

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch (thành viên độc lập)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ số 7.4 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Số: 426/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/6/2025, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132, 136) chưa đối chiếu, xác nhận là 149,8 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 159,9 tỷ VND); số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 319) chưa được đối chiếu, xác nhận là 350,8 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 336,4 tỷ VND). Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết về tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, theo đó chúng tôi không xác định được các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty hay không.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa cung cấp được Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hời Xuân VNECO để đánh giá khoản đầu tư vào Công ty này với số tiền là 30.820.000.000 VND. Với những tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng cần phải trích lập theo quy định. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các số liệu cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty hay không.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát, quyết toán các chi phí dở dang của công trình xây lắp. Tuy nhiên, tại ngày 30/6/2025 còn một số công trình Tổng Công ty chưa thực hiện quyết toán với số tiền là 34.019.317.973 VND (tại ngày 31/12/2024 là 34.019.317.973 VND). Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định tính hợp lý và khả năng thu hồi của khoản chi phí này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này hay không, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.6 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hồi Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.
- Tại Thuyết minh 7.3 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.4 trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả việc tại thời điểm báo cáo, Tổng Công ty vẫn chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và năm 2025 theo quy định tại khoản 2, Điều 139, Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Tại Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: Tại ngày 30/6/2025 các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 180.803.734.720 VND; Số dư nợ gốc và lãi vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 79.386.418.578 VND và 12.094.733.012 VND. Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty âm 68.783.180.881 VND; đồng thời tại ngày 30/6/2025 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế âm 126.653.719.017 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Tổng Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết số 479/NQ/VNECO-HĐQT ngày 05/8/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2025/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

			30/06/2025	01/01/2025
	MS	TM	VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.242.036.387.685	1.252.654.216.488
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.182.745.031	4.594.247.193
1. Tiền	111		6.101.522.376	4.513.024.538
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.222.655	81.222.655
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		870.575.029.584	908.208.803.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	469.834.482.213	516.066.243.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	93.652.908.190	97.006.850.182
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	164.992.000.000	164.992.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	185.910.158.804	173.958.229.324
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(43.814.519.623)	(43.814.519.623)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	287.845.833.208	264.613.313.459
1. Hàng tồn kho	141		287.845.833.208	264.613.313.459
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		77.432.779.862	75.237.852.705
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		76.671.410.284	75.115.770.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	761.369.578	122.082.099
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		987.387.836.727	1.007.623.460.668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		177.001.279	177.001.279
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	147.001.279	147.001.279
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	30.000.000	30.000.000
II. Tài sản cố định	220		206.449.057.622	216.963.812.264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	176.452.710.926	186.774.808.840
- Nguyên giá	222		334.678.994.311	334.678.994.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.226.283.385)	(147.904.185.471)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	29.996.346.696	30.189.003.424
- Nguyên giá	228		35.236.666.848	35.236.666.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.240.320.152)	(5.047.663.424)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	102.393.877.459	102.393.877.459
1. Nguyên giá	231		102.393.877.459	102.393.877.459
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	157.293.178.823	157.107.993.638
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		80.043.036.814	79.857.851.629
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77.250.142.009	77.250.142.009
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	520.790.699.372	530.579.139.999
1. Đầu tư vào Công ty con	251		524.037.744.792	524.037.744.792
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		7.343.170.000	7.343.170.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(41.414.023.580)	(31.625.582.953)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		284.022.172	401.636.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	100.263.353	217.877.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		183.758.819	183.758.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.229.424.224.412	2.260.277.677.156

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

			30/06/2025	01/01/2025
	MS	TM	VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.517.066.867.446	1.479.137.139.309
I. Nợ ngắn hạn	310		1.422.840.122.405	1.382.800.394.268
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	312.728.605.382	332.682.364.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	165.455.579.542	175.534.101.257
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	340.271.541	5.610.319.208
4. Phải trả người lao động	314		11.313.781.438	11.859.755.758
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	139.114.917.476	98.456.422.272
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	35.806.568	110.933.938
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	20.067.205.077	13.951.004.123
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	771.335.886.273	742.076.524.190
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.448.069.108	2.518.969.108
II. Nợ dài hạn	330		94.226.745.041	96.336.745.041
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	27.868.888.025	27.868.888.025
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.15	8.742.072.242	8.742.072.242
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	3.463.059	3.463.059
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	57.612.321.715	59.722.321.715
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		712.357.356.966	781.140.537.847
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	712.357.356.966	781.140.537.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.035.198.453	2.035.198.453
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
5. Cổ phiếu quỹ	415		(85.679.712.989)	(85.679.712.989)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(126.653.719.107)	(57.870.538.226)
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(57.870.538.226)	183.204.541.891
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(68.783.180.881)	(241.075.080.117)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.229.424.224.412	2.260.277.677.156

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Chức vụ HĐQT

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	71.957.611.595	160.113.675.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		71.957.611.595	160.113.675.735
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	83.339.512.007	146.822.007.855
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(11.381.900.412)	13.291.667.880
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.022.134.912	11.388.482.605
7. Chi phí tài chính	22	6.4	53.445.917.866	64.449.925.711
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.746.875.665	63.169.734.180
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.771.079.532	16.609.270.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(66.576.762.898)	(56.379.045.499)
11. Thu nhập khác	31	6.6	64.446	277.395.813
12. Chi phí khác	32	6.6	1.351.628.701	448.462.890
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.351.564.255)	(171.067.077)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(67.928.327.153)	(56.550.112.576)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	854.853.728	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(68.783.180.881)	(56.550.112.576)

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Quang



Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(67.928.327.153)	(56.550.112.576)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		10.514.754.642	10.737.737.317
- Các khoản dự phòng	03		9.788.440.627	8.020.120
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		910.589.286	(101.067)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.946.995.254)	(11.390.570.629)
- Chi phí lãi vay	06		42.746.875.665	63.169.734.180
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(14.914.662.187)	5.974.707.345
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.306.949.266	102.234.941.028
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.417.704.934)	74.241.811.944
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.914.642.097)	(172.472.622.787)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		117.613.857	413.904.971
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.383.574)	(11.015.283.117)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.756.310.298)	(5.574.385.883)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(70.900.000)	(46.400.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(24.654.039.967)	(6.243.326.499)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	360.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.179.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	518.640.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.765.008	10.346.269
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		3.765.008	5.067.986.269
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		42.404.139.245	63.958.859.727
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.165.378.736)	(70.462.897.568)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		26.238.760.509	(6.504.037.841)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		1.588.485.550	(7.679.378.071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	4.594.247.193	9.730.295.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.288	101.067
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.182.745.031	2.051.018.384

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; Cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 là 65 người (tại ngày 31/12/2024 là 69 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị phụ thuộc như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ quyền biểu quyết	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51,00%	37,97%	51,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Nam Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

Các đơn vị trực thuộc tại ngày 30/6/2025 bao gồm:**Tên đơn vị phụ thuộc****Địa chỉ**

Khách sạn Xanh Đà Nẵng

Số 64 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh

Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc (*)

10A15 Đàm Trầu, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội.

(*) Chi nhánh đã tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày 20/7/2024 đến hết ngày 30/5/2025 theo Thông báo số 670 TB/VNECO-TH ngày 12/7/2024 của Tổng Công ty.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/6/2025 các khoản nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 180.803.734.720 VND; số dư nợ gốc và lãi vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán lần lượt là 79.386.418.578 VND và 12.094.733.012 VND. Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty âm 68.783.180.881 VND; đồng thời tại ngày 30/6/2025 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế âm 126.653.719.017 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty đã làm việc với các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 TP Hồ Chí Minh về lộ trình xử lý và thanh toán các khoản nợ gốc và lãi.

Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 01 đến 04 năm.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Hợp đồng xây dựng***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.996.013.612	1.164.778.708
Tiền gửi ngân hàng	4.105.508.764	3.348.245.830
Các khoản tương đương tiền	81.222.655	81.222.655
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng	81.222.655	81.222.655
Tổng	6.182.745.031	4.594.247.193

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2. Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/06/2025		01/01/2025	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			524.037.744.792	(38.708.642.910)	524.037.744.792	(28.987.952.031)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	54,73%	54,73%	5.192.580.000	(iii)	5.192.580.000	(iii) (185.665.544)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (i)	55,93%	55,93%	9.746.980.000	1.754.456.400	9.746.980.000	4.631.321.400 (5.115.658.600)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12 (ii)	65,73%	65,73%	7.887.000.000	6.151.860.000	7.887.000.000	4.732.512.000 (3.154.488.000)
- Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	100%	100%	440.000.000.000	(iii)	440.000.000.000	(iii) (9.838.078.668)
- Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	100%	100%	20.000.000.000	(iii)	20.000.000.000	(iii) (699.896)
- Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	100%	100%	1.631.184.792	(iii)	1.631.184.792	(iii) (1.631.184.792)
- Công ty TNHH Đầu tư VNECO	100%	100%	23.580.000.000	(iii)	23.580.000.000	(iii) (4.980.484.830)
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	100%	100%	1.000.000.000	(iii)	1.000.000.000	(iii) -
- Công ty Cổ phần VNECO - RME	37,97%	51,00%	15.000.000.000	(iii)	15.000.000.000	(iii) (4.081.691.701)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/06/2025			01/01/2025		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			7.343.170.000		(369.518.800)	7.343.170.000		(316.730.400)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	47,11%	47,11%	4.703.750.000	(iii)	-	4.703.750.000	(iii)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (ii)	20%	20%	2.639.420.000	2.269.901.200	(369.518.800)	2.639.420.000	2.322.689.600	(316.730.400)
Đầu tư vào đơn vị khác			30.823.808.160	1.682.850	(2.335.861.870)	30.823.808.160	1.682.850	(2.320.900.522)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (ii)			179.472	68.000	-	179.472	68.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (ii)			916.740	178.200	-	916.740	178.200	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (ii)			1.913.808	478.400	-	1.913.808	478.400	-
- Công ty Cổ phần Sông Ba (ii)			48.140	208.250	-	48.140	208.250	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO Hải Xuân			30.820.000.000	(iii)	(2.335.861.870)	30.820.000.000	(iii)	(2.320.900.522)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (ii)			750.000	750.000	-	750.000	750.000	-
Tổng			562.204.722.952		(41.414.023.580)	562.204.722.952		(31.625.582.953)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- (i) Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/6/2025 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
Cổ phiếu của Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO8 (VE8) bị hủy bỏ niêm yết cổ phiếu bắt buộc theo Quyết định số 483/QĐ-SGDHN ngày 25/4/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và ngày 22/5/2025 là ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo Thông báo số 1811/TB-SGDHN ngày 25/4/2025. Cổ phiếu VE8 chuyển sang đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) kể từ ngày 02/6/2025 theo Quyết định số 684/QĐ-SGDHN ngày 02/6/2025 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- (ii) Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 30/6/2025 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (iii) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số 7.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3. Phải thu khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	469.834.482.213	565.923.243.248
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	43.860.915.558	45.564.721.307
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	487.343.713	487.343.713
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	152.598.272.734	152.598.272.734
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	33.556.806.394	71.493.210.728
Công ty Cổ phần VINATEKCOM	44.657.000.000	44.657.000.000
Công ty Cổ phần công nghệ 3T & NET	42.877.000.000	49.857.000.000
Phải thu các đối tượng khác	151.797.143.814	201.265.694.766
Dài hạn	147.001.279	147.001.279
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	147.001.279	147.001.279
Tổng	469.981.483.492	566.070.244.527
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>20.234.405.366</i>	<i>19.181.520.374</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

(*) Giá trị quyền đòi nợ các khoản phải thu dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2025 là 433.277.018.393 VND (tại ngày 31/12/2024 là 433.277.018.393 VND).

5.4. Trả trước cho người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	93.652.908.190	97.006.850.182
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty cổ phần VNECO-RME	36.363.784.904	36.363.784.904
Phải thu các đối tượng khác	31.796.100.559	35.150.042.551
Tổng	93.652.908.190	97.006.850.182
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>46.173.990.743</i>	<i>46.173.990.743</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5. Phải thu về cho vay

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	164.992.000.000	164.992.000.000
Công ty TNHH Điện Gió Thuận	152.192.000.000	152.192.000.000
Nhiên Phong 1 (1)		
Công ty Cổ phần VNECO-RME (2)	9.550.000.000	9.550.000.000
Các đối tượng khác	3.250.000.000	3.250.000.000
Tổng	164.992.000.000	164.992.000.000

Trong đó:

Phải thu về cho vay là các bên liên quan**164.792.000.000****164.792.000.000**

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

- (1) Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-THUANNHIENPHONG ngày 20/01/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01/2022/PLHĐTXV/VNE-TNP ngày 01/7/2022 với Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1; Thời hạn hợp đồng không quá 24 tháng; lãi suất 15%/năm; Tài sản đảm bảo: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/3/2022 với Công ty Cổ phần VNECO-RME và Phụ lục gia hạn hợp đồng; Thời hạn: 12 tháng; Hợp đồng không có lãi; Tài sản đảm bảo: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5.6. Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	185.910.158.804	(11.490.000.000)	173.958.229.324	(11.490.000.000)
- Tạm ứng	29.535.529.201	-	29.599.383.707	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	143.197.006	-
- Phải thu khác	156.374.629.603	(11.490.000.000)	144.215.648.611	(11.490.000.000)
Công ty TNHH Thương mại	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Xây dựng Phúc Vân Hà				
Công ty TNHH Điện gió	71.683.403.059	-	60.249.535.455	-
Thuận Nhiên Phong 1				
Công ty Cổ phần Thương mại	61.579.748.640	-	61.579.748.640	-
REENIZE (*)				
Phải thu khác	11.621.477.904	-	10.896.364.515	-
Dài hạn	30.000.000	-	30.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
Tổng	185.940.158.804	(11.490.000.000)	173.988.229.324	(11.490.000.000)

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên**quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)****82.046.661.817****-****69.900.326.174****-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Phải thu khác (Tiếp theo)

- (*) Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.

5.7. Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	43.814.519.623	-	43.814.519.623	-
Dự phòng phải thu khó đòi	43.814.519.623	-	43.814.519.623	-
Trong đó:				
	Quá hạn 06 tháng - 01 năm	Quá hạn 01 - 02 năm	Quá hạn 02 - 03 năm	Quá hạn trên 03 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	-	-	-	11.490.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhật Duy	-	-	-	19.652.541.963
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Công nghiệp Thăng Long	-	-	-	10.031.977.660
Công ty Cổ phần Năng Lượng và Môi Trường Xanh Sao Việt	-	-	-	2.640.000.000
Tổng	-	-	-	43.814.519.623

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.8. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nguyên liệu, vật liệu	3.986.700	-	3.986.700	-
Công cụ, dụng cụ	1.530.442.700	-	1.530.442.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	286.308.137.945	-	263.075.101.331	-
- Công trình ĐZ 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi	28.353.731.155	-	27.747.837.151	-
- Công trình ĐZ 220kV đấu nối DA Điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện Quốc Gia	79.177.911.285	-	79.152.913.618	-
- Công trình TBA GIS 220kV DA Điện gió Cà Mau 1	28.085.940.778	-	28.085.940.778	-
- Công trình khác	150.690.554.727	-	128.088.409.784	-
Hàng hóa	3.265.863	-	3.782.728	-
Tổng	287.845.833.208	-	264.613.313.459	-

5.9. Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn	100.263.353	217.877.210
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.582.075	76.745.264
Các khoản khác	88.681.278	141.131.946
Tổng	100.263.353	217.877.210

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Đơn vị tính: VND</u>					
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	74.620.099.384	228.686.890.184	30.493.128.606	878.876.137	334.678.994.311
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	74.620.099.384	228.686.890.184	30.493.128.606	878.876.137	334.678.994.311
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	47.001.064.939	83.811.237.413	16.591.138.913	500.744.206	147.904.185.471
Tăng trong kỳ	1.785.337.805	7.267.760.411	1.267.231.402	1.768.296	10.322.097.914
Khấu hao trong kỳ	1.785.337.805	7.267.760.411	1.267.231.402	1.768.296	10.322.097.914
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	48.786.402.744	91.078.997.824	17.858.370.315	502.512.502	158.226.283.385
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	27.619.034.445	144.875.652.771	13.901.989.693	378.131.931	186.774.808.840
Tại ngày 30/06/2025	25.833.696.640	137.607.892.360	12.634.758.291	376.363.635	176.452.710.926

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 44.783.297.803 VND (tại ngày 01/01/2025 là 44.391.627.167 VND).
 Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 166.918.278.315 VND (tại ngày 01/01/2025 là 175.851.505.152 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2025	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2025	4.448.377.104	50.086.320	549.200.000	5.047.663.424
Tăng trong kỳ	192.656.728	-	-	192.656.728
Khấu hao trong kỳ	192.656.728	-	-	192.656.728
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	4.641.033.832	50.086.320	549.200.000	5.240.320.152
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	30.189.003.424	-	-	30.189.003.424
Tại ngày 30/06/2025	29.996.346.696	-	-	29.996.346.696

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có Giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.2842892 VND, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại phường Tân An, tỉnh Tây Ninh với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 161263 ngày 11/3/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 086817 ngày 18/6/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 1074673 ngày 20/7/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân - giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 599.286.320 VND (tại ngày 01/01/2025 là 599.286.320 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 14.636.251.063 VND (tại ngày 01/01/2025 là 14.828.907.790 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2025
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	102.393.877.459	-	-	102.393.877.459
- Quyền sử dụng đất	100.067.947.467	-	-	100.067.947.467
- Cơ sở hạ tầng	2.325.929.992	-	-	2.325.929.992
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	102.393.877.459	-	-	102.393.877.459
- Quyền sử dụng đất	100.067.947.467	-	-	100.067.947.467
- Cơ sở hạ tầng	2.325.929.992	-	-	2.325.929.992

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 762005 ngày 11/7/2022 thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 1 tại số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 398,0 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 535958 ngày 18/7/2019 thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 1 tại số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30,4 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2007 thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 1 tại số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 46,8 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2007 thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 1 tại số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 26,17 m², thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2007 thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 1 tại số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 24,7 m², thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 102.393.877.459 VND (tại ngày 01/01/2025 là 102.393.877.459 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.13. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	80.043.036.814	-	79.857.851.629	-
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (*)	80.043.036.814	-	79.857.851.629	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77.250.142.009	-	77.250.142.009	-
Dự án siêu thị Green Mart (**)	72.416.851.673	-	72.416.851.673	-
Các dự án khác	4.833.290.336	-	4.833.290.336	-
Tổng	157.293.178.823	-	157.107.993.638	-

(*) Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng tại khu quy hoạch An Vân Dương, phường Phú Mỹ, thành phố Huế; Diện tích dự án: 431.064 m²; Các hạng mục chính bao gồm: san nền, giao thông và tổ chức giao thông; thoát nước thải; thoát nước mặt; cấp nước; cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng; công viên, cây xanh; rà phá bom mìn, đền bù giải tỏa và một số hạng mục khác; Tổng mức đầu tư dự án theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả đấu thầu Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng là 231,825 tỷ đồng.

(**) Dự án Khu siêu thị Xanh Đà Nẵng - Green Mart tại số 66 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng: Bao gồm hạng mục khối siêu thị 04 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 15.594 m². Đến thời điểm 30/6/2025, dự án chưa hoàn thiện, tạm ngưng triển khai do chưa hoàn thành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định. Dự án hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.14. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	312.728.605.382	312.728.605.382	332.682.364.414	332.682.364.414
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh thép Thăng Lợi	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	10.393.282.882	10.393.282.882	10.393.282.882	10.393.282.882
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Việt Linh	19.485.309	19.485.309	91.787.370	91.787.370
Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16	19.040.953.147	19.040.953.147	59.651.963.608	59.651.963.608
Phải trả cho các đối tượng khác	278.562.265.621	278.562.265.621	257.832.712.131	257.832.712.131
Dài hạn	27.868.888.025	27.868.888.025	27.868.888.025	27.868.888.025
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	27.868.888.025	27.868.888.025	27.868.888.025	27.868.888.025
Tổng	340.597.493.407	340.597.493.407	360.551.252.439	360.551.252.439
<i>Trong đó, Phải trả cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>63.050.367.119</i>	<i>63.050.367.119</i>	<i>64.461.408.086</i>	<i>64.461.408.086</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>				

5.15. Người mua trả tiền trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	165.455.579.542	175.534.101.257
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	99.820.774.248	99.820.774.248
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	15.605.331.711	19.465.546.468
Các khoản người mua trả tiền trước khác	50.029.473.583	56.247.780.541
Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	174.197.651.784	184.276.173.499
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>1.340.000.000</i>	<i>1.340.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.16. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	5.610.319.208	902.030.983	6.172.078.650	340.271.541
Thuế giá trị gia tăng	266.722.753	35.272.647	31.502.464	270.492.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.192.356.182	854.853.728	6.047.209.910	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.240.273	1.286.932	82.748.600	69.778.605
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.617.676	10.617.676	-
Phải thu	122.082.099	69.812.909	709.100.388	761.369.578
Thuế giá trị gia tăng	122.082.099	69.812.909	-	52.269.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	709.100.388	709.100.388

5.17. Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	122.114.181.142	84.425.155.803
Trích trước chi phí công trình	14.827.300.238	11.802.298.373
Các khoản khác	2.173.436.096	2.228.968.096
Tổng	139.114.917.476	98.456.422.272

5.18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	35.806.568	110.933.938
Chênh lệch bán hàng trả chậm, trả góp	35.806.568	110.933.938
Dài hạn	3.463.059	3.463.059
Chênh lệch bán hàng trả chậm, trả góp	3.463.059	3.463.059
Tổng	39.269.627	114.396.997

5.19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	836.928.459	819.764.805
Bảo hiểm xã hội	639.493.661	1.010.623.086
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	993.867.100	993.867.100
Phải trả, phải nộp khác	17.596.915.857	11.126.749.132
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	803.643.827	688.173.506
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	1.638.715.681	1.060.000.000
Công ty Cổ phần Malblue	1.595.454.704	-
Các khoản khác	13.559.101.645	9.378.575.626
Tổng	20.067.205.077	13.951.004.123
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan	2.442.359.508	1.748.173.506
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20. Vay và nợ tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Số có khả năng trả nợ					
a. Ngắn hạn					
1. Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	771.335.886.273	771.335.886.273	44.414.740.819	15.155.378.736	742.076.524.190
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch (2)	647.455.587.856	647.455.587.856	44.414.740.819	15.155.378.736	618.196.225.773
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (3)	292.830.037.798	292.830.037.798	16.275.409.256	14.514.663.184	291.069.291.726
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (4)	10.478.067.047	10.478.067.047	-	7.311.821	10.485.378.868
Vetotrade Management Limited Company (5)	75.401.733.239	75.401.733.239	-	143.403.731	75.545.136.970
Các đối tượng khác (6)	176.251.014.669	176.251.014.669	17.885.700.269	-	158.365.314.400
2. Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (7)	31.974.394.372	31.974.394.372	910.601.574	-	31.063.792.798
b. Dài hạn					
Vay dài hạn					
Lê Minh Tâm (8)	60.520.340.731	60.520.340.731	9.343.029.720	490.000.000	51.667.311.011
Các đối tượng khác (6)	123.880.298.417	123.880.298.417	-	-	123.880.298.417
Tổng	123.880.298.417	123.880.298.417	-	-	123.880.298.417
	57.612.321.715	57.612.321.715	490.000.000	2.600.000.000	59.722.321.715
	57.612.321.715	57.612.321.715	490.000.000	2.600.000.000	59.722.321.715
	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	37.612.321.715	37.612.321.715	490.000.000	2.600.000.000	39.722.321.715
Tổng	828.948.207.988	828.948.207.988	44.904.740.819	17.755.378.736	801.798.845.905
Trong đó: Vay các bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 7.1)	25.093.669.481	25.093.669.481	6.743.029.720	4.754.999.998	23.105.639.759

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (4) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023; Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND; Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023; Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Đảm bảo tiền vay theo các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể sau:
- Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 VND và 4.095.000.000 VND;
 - Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 VND;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 VND;
 - Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 19/07/2022 và Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 14/10/2022.
- (5) Tổng Công ty vay ngắn hạn Vetotrade Management Limited Company theo Hợp đồng vay từng lần: Số tiền: theo từng hợp đồng cụ thể; Thời hạn cho vay: không quá 40 ngày đến 60 ngày; Lãi suất: Từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Đảm bảo tiền vay: Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Vay các cá nhân, tổ chức khác theo các hợp đồng vay cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay từ 06 đến 24 tháng; Lãi suất từ 7,5% đến 12%.
- (7) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020: Số tiền vay: 4.800.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.
 - Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020: Số tiền vay: 19.700.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020: Số tiền vay: 5.500.000.000 VND; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niên yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung.
- Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 08/02/2021: Số tiền vay: 175.000.000.000 VND; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cấp tín dụng đầu tiên; Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niên yết tại ngân hàng cộng (+) phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần; Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung. Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

- (8) Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-LEMINHTAM ngày 20/01/2022, giữa Ông Lê Minh Tâm và Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam. Số tiền là 20.000.000.000 VND. Thời hạn vay không quá 24 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo: Không.

5.21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	183.204.541.891	1.022.215.617.964
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(241.075.080.117)	(241.075.080.117)
Số dư tại 31/12/2024	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	(57.870.538.226)	781.140.537.847
Số dư tại 01/01/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	(57.870.538.226)	781.140.537.847
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(68.783.180.881)	(68.783.180.881)
Số dư tại 30/06/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	(126.653.719.107)	712.357.356.966

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn góp của các cổ đông	820.552.330.000	820.552.330.000
Cổ phiếu quỹ	83.777.200.000	83.777.200.000
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.377.720	8.377.720
Cổ phiếu phổ thông	8.377.720	8.377.720
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.055.233	82.055.233
Cổ phiếu phổ thông	82.055.233	82.055.233
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**a. Ngoại tệ**

Ngoại tệ các loại	30/6/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
USD	27,63	715.893	34,23	874.611
Tổng	27,63	715.893	34,23	874.611

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xử lý	30/06/2025	01/01/2025
		VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ông Lâm Phúc Lâm và	2021	66.520.858.333	66.520.858.333
Bà Lã Thị Thủy Vân			
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng	2021	32.027.715.546	32.027.715.546
Phúc Vân Hà			
Các đối tượng khác	2021	8.890.162.851	8.890.162.851
Tổng		107.438.736.730	107.438.736.730

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.696.370.464	20.703.155.209
Doanh thu hoạt động xây lắp	69.261.241.131	139.410.520.526
Tổng	71.957.611.595	160.113.675.735

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

1.689.814.814

-

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.385.530.134	8.044.357.149
Giá vốn hoạt động xây lắp	78.953.981.873	138.777.650.706
Tổng	83.339.512.007	146.822.007.855

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.946.995.254	11.232.622.816
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	75.127.370	155.758.722
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ	12.288	101.067
Tổng	11.022.134.912	11.388.482.605
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>11.018.357.616</i>	<i>11.378.035.269</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi tiền vay	42.746.875.665	63.169.734.180
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	9.788.440.627	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ	910.601.574	1.280.191.531
Tổng	53.445.917.866	64.449.925.711
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.127.951.357</i>	<i>116.108.279</i>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.771.079.532	16.609.270.273
Chi phí nhân viên quản lý	4.655.896.249	7.694.018.952
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.057.327	560.880.815
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.857.738.764	6.524.872.979
Thuế phí và lệ phí	344.846.031	651.348.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.170.695	231.462.717
Chi phí bằng tiền khác	701.370.466	946.685.899
Tổng	12.771.079.532	16.609.270.273

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Thu nhập khác		
Lãi thuần hoạt động thanh lý TSCĐ	-	157.947.813
Thanh lý, nhượng bán vật tư	-	119.000.000
Các khoản khác	64.446	448.000
Tổng	64.446	277.395.813
Chi phí khác		
Chi phí chậm nộp BHXH, thuế, phạt vi phạm hành chính	1.318.027.464	448.462.890
Chi phí khác	33.601.237	-
Tổng	1.351.628.701	448.462.890
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.351.564.255)	(171.067.077)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(67.928.327.153)	(56.550.112.576)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm:	45.111.075.629	51.608.070.379
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	696.000.000	696.000.000
Các khoản phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	1.318.027.464	513.527.470
Chi phí khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt mức 1,6 tỷ đồng	350.172.500	350.172.500
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	42.746.875.665	50.048.370.409
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(22.817.251.524)	(4.942.042.197)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	854.853.728	-
Tổng	854.853.728	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	133.334.610	10.583.887.326
Chi phí nhân công	5.411.003.343	9.687.425.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.514.754.642	10.737.737.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.006.034.543	55.833.626.660
Chi phí khác bằng tiền	1.916.486.200	5.693.108.126
Tổng	119.981.613.338	92.535.784.877

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có các bên liên quan như sau:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
4	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
5	Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
6	Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con
7	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con
8	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con
9	Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	Công ty con
10	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con
11	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
13	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thù lao	2.833.136.029	2.863.077.092

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó:

Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	420.000.000	420.000.000
Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Tổng		984.000.000	984.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
		VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Đức Thường	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Tổng		198.000.000	198.000.000

Tiền lương của Ban điều hành

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
		VND	VND
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	414.377.447	400.536.707
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	230.429.903	253.777.873
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	230.854.856	253.786.461
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	230.274.515	252.741.828
Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	244.749.688	230.113.080
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	60.000.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	240.449.620	230.121.143
Tổng		1.651.136.029	1.681.077.092

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
			VND	VND
Bán hàng			1.689.814.814	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	Bán hàng	1.689.814.814	-
Mua hàng			7.949.679.800	26.442.394.074
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Giá trị xây lắp hoàn thành	-	3.522.983.549
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	6.401.245.917	6.625.331.114
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	367.044.879	6.619.652.925
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	1.181.389.004	1.108.425.817
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	-	6.375.340.647
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	-	2.190.660.022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

- 7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**
b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi cho vay và bán hàng trả chậm			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	11.018.357.616	11.378.035.269
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	19.149.358	91.172.634
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Lãi cho vay	21.900.335	47.244.121
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	10.943.230.246	11.017.962.849
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	34.077.677	67.204.981
	Lãi cho vay	-	154.450.684
Lãi vay		1.127.951.357	116.108.279
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Lãi vay	115.470.321	116.108.279
Phạm Đỗ Minh Triết	Lãi vay	574.484.795	-
Đỗ Ngọc Long	Lãi vay	437.996.241	-
Giao dịch vay		6.743.029.720	4.160.800.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Vay	220.000.000	4.121.000.000
Đỗ Ngọc Long	Vay	6.523.029.720	-
Phạm Hữu Minh Huy	Vay tiền	-	39.800.000
Giao dịch trả gốc vay		4.754.999.998	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Trả vay	1.500.000.000	-
Nguyễn Anh Tuấn	Trả vay	3.254.999.998	-
Giao dịch khác		537.071.214	739.403.749
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thu hộ, chi hộ	490.637.358	695.783.363
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Thu hộ, chi hộ	46.433.856	43.620.386

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 (Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng			
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	20.234.405.366	19.181.520.374
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con	20.087.404.087	19.034.519.095
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	1.953.210.339	2.163.486.725
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	68.594.957	68.594.957
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	648.540.427	889.024.920
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con	320.529.006	320.529.006
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	487.343.713	487.343.713
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	305.433.547	626.787.676
	Công ty con	14.478.752.098	14.478.752.098
	Công ty con	1.825.000.000	-
<i>Phải thu khách hàng dài hạn</i>			
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con	147.001.279	147.001.279
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	46.173.990.743	46.173.990.743
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	3.029.829.107	3.029.829.107
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	6.780.376.732	6.780.376.732
	Công ty con	36.363.784.904	36.363.784.904
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	164.792.000.000	164.792.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	152.192.000.000	152.192.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	2.950.000.000	2.950.000.000
	Công ty con	9.550.000.000	9.550.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Mối quan hệ	30/06/2025	01/01/2025
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu khác	82.046.661.817	69.900.326.174
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	2.270.253.495	2.059.977.109
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	135.000.000	135.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	2.439.199.237	2.198.714.744
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	232.572.888	232.572.888
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	71.683.403.059	60.249.535.455
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	433.433.964	433.433.964
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	2.848.191.057	2.632.917.753
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	1.807.268.078	1.760.834.222
Công ty Cổ phần VNECO - RME	192.819.491	192.819.491
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	4.520.548	4.520.548
Phải trả người bán	63.050.367.119	64.461.408.086
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	14.305.032.286	15.914.491.341
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	15.410.615.974	12.477.815.293
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	42.160.000	42.160.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	18.860.886.581	21.183.831.158
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	5.923.753.440	5.923.753.440
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.219.680.404	1.631.118.420
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	2.746.427.015	2.746.427.015
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	4.541.811.419	4.541.811.419
Người mua trả tiền trước	1.340.000.000	1.340.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.340.000.000	1.340.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	1.340.000.000	1.340.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Mối quan hệ	30/06/2025	01/01/2025
		VND	(Trình bày lại) VND
Vay và nợ thuê tài chính		25.093.669.481	23.105.639.759
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	2.217.662.067	2.217.662.067
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	8.416.477.694	8.416.477.694
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	195.500.000	195.500.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	2.841.000.000	4.121.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	3.254.999.998
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	8.623.029.720	2.100.000.000
Phải trả khác		2.442.359.508	1.748.173.506
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	803.643.827	688.173.506
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	1.638.715.681	1.060.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2025:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
Doanh thu	69.261.241.131	-	2.696.370.464	71.957.611.595
Giá vốn	78.953.981.873	-	4.385.530.134	83.339.512.007
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	(9.692.740.742)	-	(1.689.159.670)	(11.381.900.412)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(9.692.740.742)	-	(1.689.159.670)	(11.381.900.412)
Doanh thu hoạt động tài chính				11.022.134.912
Chi phí tài chính				(53.445.917.866)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(12.771.079.532)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				(1.351.564.255)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(854.853.728)
Lợi nhuận trong kỳ				(68.783.180.881)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2024:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
Doanh thu	139.410.520.526	-	20.703.155.209	160.113.675.735
Giá vốn	138.777.650.706	-	8.044.357.149	146.822.007.855
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	632.869.820	-	12.658.798.060	13.291.667.880
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	632.869.820	-	12.658.798.060	13.291.667.880
Doanh thu hoạt động tài chính				11.388.482.605
Chi phí tài chính				(64.449.925.711)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(16.609.270.273)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				(171.067.077)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận trong kỳ				(56.550.112.576)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/06/2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	483.311.534.168	289.388.824.427	336.046.983.184	1.108.747.341.779
Tài sản không phân bổ				1.120.676.882.633
Tổng tài sản				2.229.424.224.412
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả của các bộ phận	924.793.844.523	190.337.061.021	98.776.323.717	1.213.907.229.261
Nợ phải trả không phân bổ				303.159.638.185
Tổng nợ phải trả				1.517.066.867.446

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	500.110.270.845	290.790.890.984	344.204.540.868	1.135.105.702.697
Tài sản không phân bổ				1.125.171.974.459
Tổng tài sản				2.260.277.677.156
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả của các bộ phận	916.077.074.842	201.286.124.690	99.188.630.223	1.216.551.829.755
Nợ phải trả không phân bổ				262.585.309.554
Tổng nợ phải trả				1.479.137.139.309

7.3 Thông tin tài chính khác

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 VND bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 VND (gồm 310.000.000.000 VND tiền gốc và 90.000.000.000 VND tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 VND nói trên.

Theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 VND trong 400.000.000.000 VND mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 VND nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 VND được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 10/12/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 23 NQ/VNECO-HĐQT về việc hủy việc thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 tại ngày đăng ký cuối cùng 23/9/2024 và thống nhất về ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 là ngày 06/01/2025 để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Ngày 01/7/2025, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 09 NQ/VNECO-HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 không muộn hơn ngày 20/9/2025.

Đến thời điểm báo cáo, Tổng Công ty vẫn chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và năm 2025 theo quy định tại khoản 2, Điều 139, Luật doanh nghiệp năm 2020.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

**Nguyễn Anh Tuấn**